

CÁC KIỂU CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ TRONG LỊCH SỬ VÀ NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Đông Văn Quân*

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Bài báo khái quát những nội dung chính về khái niệm dân chủ, sự hình thành chế độ dân chủ và các kiểu chế độ dân chủ trong lịch sử. Mạnh mẽ của chế độ dân chủ đã xuất hiện từ thời nguyên thủy dưới hình thức quyền tự quyết của các thị tộc, nhưng đó chưa phải là chế độ chính trị. Chế độ dân chủ với tính cách là chế độ chính trị tồn tại dưới 3 kiểu là chế độ dân chủ chủ nô, chế độ dân chủ tư sản và chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Bài báo khái quát những quan điểm, đường lối cơ bản của Đảng cộng sản Việt Nam về xây dựng nền dân chủ mới xã hội chủ nghĩa ở nước ta, chỉ ra những hạn chế và đưa ra những nguyên tắc, giải pháp cơ bản để xây dựng, hoàn thiện thể chế dân chủ ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Dân chủ; Dân là gốc; chế độ dân chủ; chế độ chính trị; Việt Nam.

KHÁI NIỆM DÂN CHỦ

Dân chủ là một chủ đề quan trọng của các khoa học xã hội. Vấn đề dân chủ luôn luôn gắn liền với quyền sống, quyền tự do của con người. Tuy nhiên, dân chủ không phải là cái tự nhiên sẵn có của xã hội, mà là một sản phẩm phát triển của lịch sử, là kết quả của cuộc đấu tranh chống độc quyền chuyên chế, chống áp bức bóc lột của nhân dân. Vì vậy, khái niệm dân chủ với tính cách là một khái niệm chính trị, chỉ thực sự hình thành trong các xã hội có giai cấp và luôn mang nội dung giai cấp.

Theo từ điển bách khoa Việt Nam, “dân chủ, hình thức tổ chức thiết chế chính trị của xã hội dựa trên việc thừa nhận nhân dân là nguồn gốc của quyền lực, thừa nhận nguyên tắc bình đẳng và tự do” [9, tr. 653]. Như vậy, dân chủ trước hết là một khái niệm chính trị dùng để chỉ một chế độ chính trị mà trong đó có sự tham gia của nhân dân vào quá trình quản lý xã hội ở những mức độ khác nhau; thừa nhận sức mạnh quyền lực của nhân dân như là một tiêu chí để nhà nước dựa vào đó mà đề ra những chủ trương, chính sách tương ứng; thừa nhận quyền tự do, quyền bình đẳng của nhân dân trong một khuôn khổ nhất định.

Theo Hồ Chí Minh dân chủ luôn luôn có hai mặt, đó là: “dân là chủ” và “dân làm chủ”. Quan niệm này vừa đảm bảo tính khoa học,

tính hiện đại, vừa kế thừa một cách sáng tạo các quan điểm của nhân loại về dân chủ.

Khía cạnh thứ nhất của dân chủ: “dân là chủ” nói lên dân là chủ thể của quyền lực, quyền lực thuộc về nhân dân, bởi vì dân là sức mạnh. Nếu được dân tin, dân theo, dân ủng hộ thì chính quyền mới đứng vững. Ngược lại, mất lòng tin của dân là mất tất cả.

Khía cạnh thứ hai của dân chủ: “dân làm chủ” nói lên nội dung cơ bản của dân chủ, đó là dân phải được làm chủ vận mệnh của mình, làm chủ quyền lực của mình, làm chủ xã hội nói chung.

Hai mặt của dân chủ không phải lúc nào cũng thống nhất với nhau. Vấn đề “dân là chủ”, “dân là gốc” không có gì là mới mẻ vì nó được thừa nhận từ rất sớm trong lịch sử. Còn vấn đề “dân làm chủ”, “dân làm gốc” thì chỉ có chế độ dân chủ mới từng bước đảm bảo quyền của người dân được tham gia vào các công việc quản lý Nhà nước, quản lý xã hội với những mức độ và hình thức khác nhau.

Ngày nay, khái niệm dân chủ về cơ bản vẫn hàm nghĩa là “*Mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân*”, nhưng có những thay đổi trong quan niệm về nhân dân và quyền lực nhân dân theo hướng càng ngày càng được mở rộng hơn. Vì vậy, khái niệm dân chủ hiện nay trở nên rất phức tạp, bao gồm nhiều nghĩa khác nhau như: Dân chủ là một chính thể hiện thực (nền dân chủ); dân chủ là một hiện thực

* Tel 0912 021.314; Email dongvanquan@dhsptn.edu.vn

chính trị (chế độ dân chủ); dân chủ là một hiện thực kinh tế (thị trường tự do); dân chủ là một hiện thực xã hội (xã hội công dân, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ...); dân chủ là một trạng thái quan hệ quốc tế (quyền tự quyết dân tộc, bình đẳng dân tộc...); dân chủ là một triết thuyết chính trị...

Về mặt triết học, dân chủ được thể hiện trên các phương diện chủ yếu là: Thừa nhận quyền tự do cá nhân, nhưng không vi phạm tính tất yếu xã hội mà tự do phải là "cái tất yếu đã được nhận thức và được vận dụng đúng đắn"; quyền bình đẳng về điều kiện phát triển của mọi chủ thể, của từng cá nhân và suy rộng ra là quyền bình đẳng của mọi dân tộc; sự thống nhất trong tính đa dạng, trong đó quyền tự do cá nhân thể hiện tính đa dạng, còn bình đẳng về điều kiện nói lên cái chung, cái phổ biến của dân chủ.

Về mặt nhận thức thì khái niệm là sự phản ánh của hiện thực, cho nên nó hình thành và biến đổi cùng với sự biến đổi của bản thân hiện thực. Khái niệm dân chủ cũng tương tự như vậy, có nhiệm vụ phản ánh lại quá trình hình thành và phát triển của nền dân chủ trong xã hội. Do đó, không có khái niệm "dân chủ nói chung", "dân chủ thuần túy", "dân chủ không có tính từ"... mà khái niệm dân chủ phải vừa phản ánh được những giá trị chung, toàn nhân loại, phản ánh được xu hướng phát triển của lịch sử, lại vừa phản ánh được tính giai cấp, tính đặc thù dân tộc của các nền dân chủ.

CÁC HÌNH THỨC DÂN CHỦ TRONG LỊCH SỬ

Dân chủ chủ nô

Khái niệm dân chủ lần đầu tiên xuất hiện ở Hy Lạp cổ đại. Theo tiếng Hy Lạp: Dēmos kratos (dân chủ) có nghĩa là quyền lực thuộc về nhân dân. Khái niệm này ra đời trong cuộc đấu tranh của phái chủ nô dân chủ chống lại giới chủ nô quý tộc. Chế độ thành bang của Hy Lạp cổ đại đã tạo ra hai thể chế chính trị đối lập nhau là thể chế dân chủ chủ nô (được thiết lập ở thành bang Aten) và thể chế quân chủ (được thiết lập ở thành bang Spéc). Nền dân chủ chủ nô tuy còn rất hạn chế (chỉ dành riêng cho những người tự do – khoảng 2 vạn người ở thành bang Aten, mà không dành cho

nô lệ – chiếm số đông ở thành bang này), nhưng đã thể hiện rõ tính tích cực, tiến bộ của mình. Thông qua hình thức bầu trực tiếp để nhân dân cử ra đại diện quyền lực cho mình trong các nghị viện; những việc lớn của thành bang như chiến tranh, lễ hội... đều thông qua đại hội toàn thể để quyết định. Ở Cộng hoà La Mã, thông qua các đại hội toàn dân được tổ chức ở quảng trường La Mã hoặc trên cảnh đống than Mars để quyết định về các đạo luật, bầu các thủ lĩnh hay giải quyết các vấn đề có liên quan đến châu Âu...

Kể từ khi xuất hiện đến nay, trải qua hơn hai nghìn năm phát triển lịch sử, nền dân chủ đã trải qua nhiều loại hình khác nhau với những biểu hiện khác nhau về nội dung, hình thức, với những tính chất và mức độ khác nhau.

Ngay trong chế độ chiếm hữu nô lệ, nền dân chủ cổ đại đã dần dần bị biến dạng, khi mà giai cấp thống trị từng bước thu tóm quyền lực vào tay mình, trở thành lực lượng đối lập với nhân dân. Sau khi thành bang Spéc thôn tính thành bang Aten, thể chế quân chủ chuyên chế dần dần thay thế cho thể chế dân chủ chủ nô. Cho đến chế độ phong kiến thì thể chế nhà nước chuyển hẳn sang chế độ độc đoán chuyên quyền. Nhưng ngay trong lòng xã hội phong kiến trung ương tập quyền vẫn tồn tại một nền dân chủ đặc biệt – dân chủ công xã nông thôn (tàn dư của chế độ tự quản nguyên thủy). Trong các công xã nông thôn, các làng - xã nông thôn, dân chủ biểu hiện bằng chế độ tự quản. Mỗi làng - xã, công xã, thông qua các hội nghị toàn thể, người dân thường đặt ra những lễ luật (huang ước, quy ước) để duy trì trật tự, giải quyết các công việc của cộng đồng. Những lễ luật này được tất cả mọi người thừa nhận và tuân thủ một cách vô điều kiện, như trong dân gian có câu "phép vua thua lệ làng".

Dân chủ tư sản

Thắng lợi của cách mạng dân chủ tư sản thế kỷ XVII – XVIII ở châu Âu đã làm xuất hiện nền dân chủ tư sản. Dân chủ tư sản là một bước tiến lớn so với các nền dân chủ trước đây, kích thích một cách mạnh mẽ khát vọng tự do, bình đẳng của con người, là một bước tiến lớn trong công cuộc giải phóng con người

với tính cách là những cá nhân. Tuy nhiên, dân chủ tư sản không phải là nền dân chủ duy nhất, không phải là đỉnh cao của chế độ dân chủ như những nhà tư tưởng tư sản vẫn ngợi ca. Bản chất giai cấp của nền dân chủ này vẫn được thể hiện rất rõ bởi vì “chủ nghĩa tự do” cho toàn xã hội trong chủ nghĩa tư bản được thay thế bằng “chủ nghĩa mất tự do” cho giai cấp bị trị. Nhân dân “vụ quyền” qua cái gọi là “khế ước xã hội” để qua đó mất quyền làm chủ của mình. Chúng ta không thể phủ nhận những giá trị dân chủ mà nhân dân lao động đã đạt được trong chủ nghĩa tư bản như quyền tự do, quyền bình đẳng... nhưng đây không phải là sự ban phát từ trên xuống, không phải là lòng hảo tâm của giai cấp tư sản đối với người lao động, mà là kết quả của cuộc đấu tranh bền bỉ, lâu dài của nhân dân lao động chống áp bức, chống cường quyền nhằm giải phóng mình và giải phóng xã hội nói chung. Dân chủ tư sản dù có phát triển đến đâu đi nữa thì cũng chỉ là cơ chế bảo vệ cho lợi ích của giai cấp tư sản, chứ không phải của toàn thể nhân dân lao động. Quyền dân chủ của nhân dân lao động có được mở rộng đến đâu đi nữa thì cũng không được phép và không thể đụng chạm đến quyền sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất. Như vậy, dân chủ tư sản chỉ đóng khung trong việc thực hiện quyền công dân thông thường, không thể vượt quá giới hạn của quan hệ có tính quy luật là: giai cấp nào thống trị về kinh tế thì giai cấp đó cũng thống trị về chính trị.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa

Trong cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản và nhân dân lao động nhằm xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, tất yếu sẽ hình thành một nền dân chủ mới – Dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đây là một nền dân chủ khác hẳn về chất so với các nền dân chủ trước đây. Về nguyên tắc, dưới chủ nghĩa xã hội nhân dân lao động không chỉ là công dân, mà còn là người làm chủ các tư liệu sản xuất, vì vậy nhân dân có quyền và có trách nhiệm làm chủ về chính trị, xã hội. Chỉ có dưới chủ nghĩa xã hội thì dân chủ mới được thực hiện một cách đầy đủ, mà thực chất là sự tham gia ngày càng đông đảo của nhân

dân vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là dân chủ của đại đa số nhân dân, gắn với công bằng xã hội, chống áp bức, bất công. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội; được thể chế hoá bằng pháp luật và được pháp luật đảm bảo. Dân chủ xã hội chủ nghĩa không chỉ là sự ban bố một số quyền công dân, mà còn tạo ra cơ chế để thực hiện quyền lực của nhân dân với tính cách là quyền lực tối cao và cuối cùng. Tuy nhiên, dân chủ xã hội chủ nghĩa không có sẵn trong sách vở của chủ nghĩa Mác – Lênin, cũng không hoàn toàn là cái đã được thiết lập trong các nước xã hội chủ nghĩa trước đây. Chưa hề có mô hình chuẩn cho một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong tiền lệ, bởi lẽ nền dân chủ đạt được trong các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, tuy là một bước tiến lớn so với dân chủ tư sản, nhưng do những sai lầm chủ quan nên hiện tượng vi phạm dân chủ vẫn diễn ra phổ biến, tình trạng quan liêu hoá bộ máy nhà nước là khá nặng nề.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng còn có nhiều điểm mới mẻ cần được làm sáng tỏ cả về lý luận lẫn thực tiễn. Tuy chưa có một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đầy đủ, nhưng những nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ mới đã cơ bản định hình:

- Đảm bảo tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.
- Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ.
- Dân chủ phải gắn liền với dân sinh, dân trí.
- Kết hợp hài hoà cả hai hình thức dân chủ: dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp.
- Dân chủ phải toàn diện: dân chủ trong kinh tế, dân chủ trong chính trị, dân chủ trong ý thức, tư tưởng...

ĐƯỜNG LỐI DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định đường lối dân chủ, “Lấy dân làm gốc” trong mọi tôn chỉ và hoạt động của mình. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta luôn xác định: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng

phải quán triệt tư tưởng “Lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động” [1, tr. 29].

Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI tư tưởng dân chủ đã dần dần được cụ thể hoá và thể chế hoá qua các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và các nghị định, quyết định của Nhà nước.

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khoá VI đã họp vào tháng 3 năm 1990 và ra một Nghị quyết quan trọng: *Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân*. Đánh giá về thực trạng của công tác quần chúng, Hội nghị đã chỉ rõ: “Từ khi Đảng lãnh đạo chính quyền trên phạm vi cả nước, mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân bị giảm sút, có lúc có nơi khá nghiêm trọng. Bên cạnh số đông cán bộ đảng viên vẫn giữ được phẩm chất cách mạng và gắn bó với nhân dân, một bộ phận cán bộ đảng viên mang nặng bệnh quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, chuyên quyền, độc đoán, ức hiếp nhân dân, tham ô hối lộ, sống xa hoa lãng phí. Các đoàn thể quần chúng cũng bị quan liêu hoá, hành chính hoá, không đổi mới nội dung và phương pháp tập hợp các tầng lớp nhân dân. Không ít tổ chức cơ sở hoạt động thất thường hoặc không hoạt động, nhiều đoàn viên, hội viên không thiết tha gắn bó với đoàn thể của mình” [2].

Để khắc phục tình trạng trên, Hội nghị đã nêu 4 quan điểm chỉ đạo:

Một là: Phải coi sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân và vì dân.

Hai là: Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hoà các lợi ích, thống nhất quyền lợi và nghĩa vụ.

Ba là: Phải đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân.

Bốn là: Phải coi công tác quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng.

Trong số 5 bài học kinh nghiệm được rút ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, thì bài học thứ tư là “Phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ XHCN... nhưng quá trình đó phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc

phù hợp với tình hình chính trị - xã hội nói chung” [3, tr. 55]. Có nghĩa là dân chủ phải gắn liền với kỉ luật kỉ cương, trong khuôn khổ của pháp luật. Kiên quyết đấu tranh chống dân chủ hình thức cũng như dân chủ cực đoan dẫn đến làm tổn hại lợi ích của nhân dân.

Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khoá VII họp từ ngày 18/6/1992 đến ngày 29/6/1992 đã ra Nghị quyết quan trọng về đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Một trong những mục tiêu đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Hội nghị đã xem xét công tác tổ chức, vận động quần chúng của Đảng, đánh giá những mặt làm được và những thiếu sót để rút kinh nghiệm. Hội nghị cho rằng tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân là điều có ý nghĩa cực kì to lớn, đảm bảo sự vững vàng của chế độ. Qua đó Hội nghị tiếp tục khẳng định tính đúng đắn và nhất quán của bài học “Lấy dân làm gốc” của Đảng.

Từ thực tiễn của 10 năm đổi mới, Đại hội VIII của Đảng đã rút ra 6 bài học kinh nghiệm, trong đó bài học thứ 2 và thứ 4 là sự phát triển tiếp theo của bài học “Lấy dân làm gốc”. Khi thực hiện bài học thứ 2 là kết hợp đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, Đại hội đã khẳng định “Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt dân chủ XHCN, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Bài học lớn là dân chủ nhất thiết phải đi đôi với kỉ luật kỉ cương. Khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời chống khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích. Dứt khoát bác bỏ mọi mưu toan lợi dụng dân chủ “nhân quyền” nhằm gây rối về chính trị, chống phá chế độ, hoặc can thiệp vào nội bộ nước ta. Không chấp nhận đa nguyên, đa đảng” [4, tr. 71-72]. Ở bài học thứ tư, Đại hội tiếp tục khẳng định quan điểm nhất quán “Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì dân và do nhân dân”. Công cuộc đổi mới của Đảng là xuất phát từ nguyện vọng của nhân dân, công cuộc đó do nhân dân thực hiện. Nhân dân là người quyết định sự thắng lợi của nó. Đại hội đã đề xuất những giải pháp đồng bộ nhằm động viên, khuyến khích đồng

đào các lực lượng nhân dân tích cực tham gia vào các quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Một trong những giải pháp đó là: Xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, thực hiện tốt các cơ chế dân chủ của nhân dân: dân chủ thông qua đại diện và dân chủ trực tiếp.

Từ sau Đại hội đại biểu lần thứ VIII của Đảng, việc quán triệt và thực hiện bài học “Lấy dân làm gốc” của Đảng đã dần dần đi vào nề nếp. Đảng đã ra nhiều nghị quyết, nhiều chỉ thị quan trọng nhằm chỉnh đốn những hiện tượng lệch lạc trong thực hiện dân chủ, nâng cao quyền làm chủ của nhân dân ở các cấp cơ sở. Các văn kiện quan trọng của Đảng như: Nghị quyết Trung ương Ba khoá VIII (6/1997), Chỉ thị 21CT/TW ngày 10/10/1997 của Bộ Chính trị về một số vấn đề cấp bách của nông thôn hiện nay, Chỉ thị 30 CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở... đã góp phần để xây dựng, hoàn thiện cơ chế làm chủ cho nhân dân. Thực hiện Chỉ thị 30 CT/TW của Bộ Chính trị, ngày 30/8/1998 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá X đã ra Nghị quyết số 55/NQ – UBTVQH X, giao cho Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Theo đó, ngày 8/9/1998 Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định 71/1998/NĐ-CP ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan.

Quy chế nhằm:

- Phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, góp phần xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức là công bộc của nhân dân, có đủ phẩm chất, năng lực, làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển và đổi mới đất nước; ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu dân.

- Phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức gắn liền với việc đảm bảo lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ quan, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện chế độ thủ trưởng

và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng.

- Dân chủ trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật; phát huy dân chủ nhưng đồng thời kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng dân chủ, vi phạm Hiến pháp, pháp luật và xâm phạm quyền tự do dân chủ của nhân dân, cản trở việc thi hành công vụ ở cơ quan.

Tiếp tục đường lối dân chủ nhất quán, Đại hội IX của Đảng khẳng định: “Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế... Thực hiện tốt Quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở” [5, tr. 49].

Đại hội X của Đảng chỉ rõ: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới...”. Cho nên cần phải “Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của nhân dân. Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội” [6, tr. 125].

Đại hội XI của Đảng tiếp tục khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân...” [7, tr. 47].

Đại hội XII của Đảng yêu cầu: “Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; thể chế hoá và thực hiện tốt phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” [8, tr. 39].

Như vậy, quan điểm, đường lối dân chủ của Đảng ta là nhất quán, liên tục. Dân chủ được Đảng và Nhà nước ta coi là một trong những mục tiêu và động lực cơ bản để xây dựng thành công CNXH.

KẾT LUẬN

Dân chủ là giá trị của văn minh nhân loại, được hình thành, phát triển trong lịch sử và luôn mang tính giai cấp.

Các kiểu chế độ dân chủ trong lịch sử luôn phản ánh kiểu chế độ kinh tế - xã hội mà trên đó nó được xây dựng nên, do đó nó luôn chứa đựng những giá trị và hạn chế của thời đại.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác – Lênin đề xuất được xây dựng trên nền tảng xã hội do nhân dân lao động làm chủ, do đó nó “triều lặn” dân chủ hơn so với các nền dân chủ trước đây.

Nền dân chủ XHCN ở nước ta là kết quả đấu tranh cách mạng qua những chặng đường lịch sử, được hoàn thiện theo quan điểm học thuyết Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí minh, được bổ sung những giá trị tiên bộ từ tinh hoa dân chủ của nhân loại, lấy lợi ích nhân dân làm nền tảng, dựa vào dân để tổ chức thực hiện, hướng tới mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1990), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 - BCHTW Đảng khoá VI về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân*, Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội VII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1995), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, T1, Nxb Từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội.

SUMMARY

TYPES OF DEMOCRATIC REGIME IN THE HISTORY

AND THE PRESENT SOCIALIST DEMOCRATIC REGIME IN OUR COUNTRY

Dong Van Quan*

TNU University of Education

This paper recaps the main contents of the definition of democracy, the establishment of democratic regime, and types of democratic regime in the history. The infancy of democratic regime has appeared from the primitive times with the form of clans' discretion; however, it was not a political regime. Democracy with the characters of political regime exists in three types including slavery democratic regime, capitalism democratic regime and socialist democratic regime. This paper generalizes views and political lines of the Communist Party of Vietnam regarding to the building of new socialist democratic regime in our country, points out the limitations and proposes the principle solutions to build and improve our socialist democratic regime.

Keywords: *democracy; people are origin; democratic regime, political regime; Vietnam*

Ngày nhận bài: 25/8/2017; Ngày phản biện: 15/9/2017; Ngày duyệt đăng: 29/12/2017

* Tel: 0912 021 314, Email: dongvanquan@dhsptn.edu.vn